TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 – KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 03/08/2026
V/v "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Trần Thị Cúc
Ông Trần Huy Toàn

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đỗ Gia Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Khánh Hòa

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông Ngô Bảo Nhật Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 08 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 579/2026/HNGĐ-ST ngày 08 tháng 5 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 06 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 135/2026/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 07 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1974
Địa chỉ: Thôn M, xã H, tỉnh K.
Có đơn xin xét xử vắng mặt
- Bị đơn: Ông Nguyễn H, sinh năm 1972
Địa chỉ: Thôn M, xã H, tỉnh K.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải, đơn xin xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà M và ông H tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn năm 1996 tại Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N1, ỉnh K (nay là xã H, tỉnh K). Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình, không tìm được tiếng nói chung nên vợ chồng thường xuyên cãi vả nhau, hiện nay không còn chung sống với nhau nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn H có 2 con chung là

Nguyễn Th, sinh ngày 01/4/1997 và Nguyễn Ng, sinh ngày 01/01/2005. Các con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh nên bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết,

Về nợ chung: Bà M xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Đối với bị đơn ông Nguyễn H:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông H được biết và trong quá trình giải quyết vụ án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông H vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai cũng như không thể tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử thẩm tra, xem xét công khai tại phiên tòa. Về nội dung vụ án: Xét mâu thuẫn giữa nguyên đơn và bị đơn là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ; vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn H có 2 con chung là Nguyễn Th, sinh ngày 01/4/1997 và Nguyễn Ng, sinh ngày 01/01/2005. Các con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: Bà M không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị M khởi kiện ông Nguyễn H về việc "Tranh chấp ly hôn", do ông H có địa chỉ cư trú tại Thôn M, xã H, tỉnh K nên Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Khánh Hòa có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn H đã được Tòa án thông báo hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa ngày 15/7/2026 ông H đã không có mặt, Tòa án đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa ngày 03/08/2026 ông H tiếp tục vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Do vậy, căn cứ Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà M và ông H.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện được Ủy ban nhân dân xã N, thị xã N1(nay là UBND xã H,

tỉnh K) cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 10/06/1996. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông H đến Tòa án để làm việc và ghi nhận ý kiến về yêu cầu xin ly hôn của bà M nhưng đến thời điểm này ông H vẫn vắng mặt không có lý do cho thấy ông H không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa ông và bà M. Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định, tình trạng hôn nhân giữa bà M và ông H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nếu cứ tiếp tục duy trì cuộc sống gia đình thì cũng không đem lại hạnh phúc cho đôi bên nên yêu cầu ly hôn của bà M là chính đáng, có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Nguyễn Thị M được ly hôn ông Nguyễn H.

[4] Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn H có 2 con chung là Nguyễn Th, sinh ngày 01/4/1997 và Nguyễn Ng, sinh ngày 01/01/2005. Các con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[7] Xét về quan điểm giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Khánh Hòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228; Điều 238; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Nguyễn Thị M được ly hôn ông Nguyễn H.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn H có 2 con chung là Nguyễn Th, sinh ngày 01/4/1997 và Nguyễn Ng, sinh ngày 01/01/2005. Các con chung đã trưởng thành, khỏe mạnh, bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu

tiền tạm ứng án phí số BLTU/26E 0003490 ngày 05/05/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa. Bà M đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND khu vực 4 - Khánh Hòa;
- THADS tỉnh Khánh Hòa;
- UBND xã H, tỉnh K
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu AV.

.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy